

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-PT
Ngày: 14 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp về đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Các Thẩm Phán: Ông Lê Văn Quý;
Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2020/QĐ-PT ngày 24/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 607/2020/QĐ-PT ngày 14/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà C3/54, đường C3, ấp 4, xã b, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; (*Vắng mặt*).

- Đại diện theo ủy quyền của bà P theo Giấy ủy quyền ngày 05/3/2018:
Ông Lưu Tuấn L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 33, đường T, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1965; địa chỉ: Phòng 216, Cư xá nhà máy thủy điện T, Khu phố 8, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai; (*Vắng mặt*).

- Đại diện theo ủy quyền của ông B theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2020: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 1056/31C, khu phố 1, phường B3, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà C3/45, đường C3, Ấp 4, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

2/ Ông Bùi Trọng S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà C1/20XB đường Phạm H, Ấp 4, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông S theo giấy ủy quyền ngày 14/12/2020: Chị Thạch Tuyết Minh, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 10, Chợ A, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên lạc: Số 547, đường Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/3/2018 nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2008 bà Nguyễn Thị Ngọc P có nhờ và giao cho ông Trần Thanh B (chỉ nói miệng với nhau) số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) để mua và đứng tên giữ 18.000 (Mười tám nghìn) cổ phần của Công ty cổ phần tài chính Đ, ông B nói với bà P ông B là nhân viên của công ty Thủy điện T thuộc tập đoàn Công ty cổ phần Đ Việt Nam nên được quyền ưu tiên mua cổ phần của công ty. Ông B nói với bà P, sau khi mua xong đến lúc công ty đưa lên sàn chứng khoán thì ông B sẽ sang nhượng lại cho bà P. Vì tin tưởng nên bà P đã để ông B đứng tên cổ phần như ông B đã nói. Trong số 33.700 cổ phần trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty cổ phần tài chính Đ phát hành ngày 20/10/2008 ngoài cổ phần ông B đứng tên giữ cho bà P 18.000 cổ phần thì ông B còn đứng tên giữ cho bà Nguyễn Thị K số cổ phần còn lại. Sau khi đứng tên trên giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thì ông B giao lại cho ông Bùi Trọng S giữ và sau đó ông S giao lại cho vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc H giữ. Những năm đầu ông B có đưa tiền cổ tức do Công ty cổ phần tài chính Đ trả cho bà P. Ông B gặp ông S đưa tiền cổ tức, sau khi nhận tiền cổ tức thì ông S mang tiền trả cho bà P và có ghi rõ trong giấy nhận tiền “Chuyển cho bà P”. Nhưng từ năm 2017 cho đến nay, ông B có nhận tiền cổ tức do công ty tài chính cổ phần Đ chi trả nhưng không đưa lại cho bà P. Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông B sang nhượng trả lại cho bà P 18.000 cổ phần ông B đứng tên giữ và tiền cổ tức ông B đã nhận bàn giao cho bà P nhưng ông B hứa trả

nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh B phải chuyển nhượng 18.000 cổ phần của Công ty cổ phần tài chính Đ cho bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông B phải trả cổ tức năm 2017, 2018 là 100.377.000 đồng theo thông tin của Công ty cổ phần tài chính Đ về cổ tức hai năm 2017, 2018.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2018, bị đơn ông Trần Thanh B trình bày:

Ông B là nhân viên của công ty điện lực T từ năm 1987, trong quá trình làm việc thì ngày 20/10/2008 ông Bùi Trọng S, bà Nguyễn Thị Ngọc H có đến nhờ ông B là đại diện đứng tên dùm trên 33.700 cổ phiếu mà ông S, bà H mua của Công ty cổ phần tài chính Đ. Việc giao dịch cổ phiếu là do ông S, bà H trực tiếp mua và trả tiền với cổ đông của công ty ông B không tham gia, ông B không biết số tiền mua cổ phiếu là bao nhiêu. Sau khi kết thúc việc mua bán thì ông B là người diện đứng tên dùm trên số cổ phiếu mà ông S, bà H đã mua. Việc ông B đứng tên trên số cổ phiếu thay cho ông S, bà H không làm hợp đồng chỉ tin tưởng nói miệng với nhau. Ngày 20/10/2008, Công ty cổ phần tài chính Đ phát hành giấy chứng nhận cổ đông đứng tên ông B với số cổ phiếu là 33.700 cổ phiếu, sau khi nhận được giấy ông B đã giao trực tiếp cho ông Bùi Trọng S và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Việc chi trả cổ tức hàng năm của Công ty cổ phần tài chính Đ kể từ khi có là do ông B nhận và giao trực tiếp cho ông Bùi Trọng S và bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông B đã giao cho ông S, bà H số tiền cổ tức từ khi có cổ tức cho đến hết năm 2014. Còn lại số tiền cổ tức của năm 2015, 2016 ông B đã nhận giao cho ông Bùi Trọng S vì lúc đó ông S và bà H đã ly hôn. Trước khi ông S, bà H ly hôn ông B có nghe ông S, bà H nói đã bán 13.700 cổ phiếu cho bà Nguyễn Thị Kim P nhưng không xác định được bán khi nào, có làm hợp đồng hay không. Ngày 23/01/2018, ông B có đến gặp ông S để giao số tiền cổ tức năm 2015, 2016 của 33.700 cổ phiếu với số tiền là 21.285.000 đồng ông S đã nhận số tiền này. Sau đó, ông S có nhờ ông B đến nhà bà P để trả số tiền cổ tức trên số cổ phiếu 13.700 với số tiền 8.704.000 đồng nhưng bà P chưa nhận. Do đó, ông B trả lại số tiền này cho ông Bùi Trọng S. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chuyển nhượng 18.000 cổ phần và trả tiền cổ tức năm 2017, 2018.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà H là chị ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc P, là vợ của ông Bùi Trọng S nhưng bà H và ông S đã ly hôn năm 2015, ông Trần Thanh B là anh chồng của ông S. Vào khoảng tháng 01/2007, bà P có đến nhà vợ chồng bà lúc đó có 4

người gồm ông S, ông B, bà và bà P. Bà có thấy bà P giao cho ông S, ông S đếm tiền và giao lại cho ông B số tiền 191.800.000 đồng để đứng tên mua giùm cổ phần của Công ty cổ phần tài chính Đ. Lý do bà P nhờ ông B đứng tên giùm là do bà P không phải là người của Công ty cổ phần tài chính Đ nên không được quyền mua và đứng tên. Việc này bà H chỉ được ngồi chứng kiến chứ không tham gia bàn bạc với các bên. Bà H không giữ giấy chứng nhận cổ phần, không nhận tiền cổ tức từ ông B và cũng không biết việc ông B có trả cổ tức cho bà P hay không. Trong vụ án này bà H không có yêu cầu độc lập và bà đề nghị Tòa xem xét giải quyết trả lại cho bà P số tiền bà P đã bỏ ra nhờ ông B đứng tên mua giùm cổ phần.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Trọng S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện, vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

5. *Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên xử:

Áp dụng các Điều 25, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P về việc “Tranh chấp về đòi tài sản”.

Buộc ông Trần Thanh B phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền 238.972.371 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi một đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh B phải chịu số tiền án phí là 11.948.618 đồng (mười một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm mười tám đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.717.000 đồng (bốn triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 004519 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

6. *Kháng cáo:*

Ngày 23/6/2020, ông Trần Thanh B kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Tuấn L là đại diện của nguyên đơn và ông Nguyễn Thành T là đại diện của bị đơn đồng ý thỏa thuận: Ông Trần Thanh B có trách nhiệm chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc P 13.700 cổ phần phổ thông của Công ty Tài chính cổ phần Đ với mã chứng khoán là EVF. Toàn bộ cổ tức của các năm 2017, 2018 bà Nguyễn Thị Ngọc P được nhận trực tiếp từ Công ty Tài chính cổ phần Đ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên ghi nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh B làm trong hạn luật định nên được xem xét trong theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P do ông Lưu Tuấn L làm đại diện và bị đơn ông Trần Thanh B do ông Nguyễn Thành T làm đại diện đồng ý thỏa thuận như sau: Ông Trần Thanh B có trách nhiệm chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc P 13.700 cổ phần phổ thông của Công ty Tài chính cổ phần Đ với mã chứng khoán là EVF. Toàn bộ cổ tức của các năm 2017, 2018 bà Nguyễn Thị Ngọc P được nhận trực tiếp từ Công ty Tài chính cổ phần Đ.

Ông Bùi Trọng S do bà Thạch Tuyết M làm đại diện theo ủy quyền cũng đồng ý với việc thỏa thuận của ông B và bà P.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên ghi nhận. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm trên của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà P đồng ý sẽ chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên Sửa án sơ thẩm về án phí. Ông B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 159, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh B, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Ông Trần Thanh B có trách nhiệm chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc P 13.700 cổ phần phổ thông của Công ty Tài chính cổ phần Đ với mã chứng khoán là EVF. Toàn bộ cổ tức của các năm 2017, 2018 bà Nguyễn Thị Ngọc P được nhận trực tiếp từ Công ty Tài chính cổ phần Đ.

2. Về án phí:

Bà P phải chịu 5.274.500đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.717.000đ tiền tạm ứng sơ thẩm mà bà P đã nộp theo biên lai thu số: 004519 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, bà P còn phải nộp tiếp 557.400đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông B 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông B đã nộp theo biên lai thu số: 000073081 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Hà